

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Địa chỉ: Tầng 3 & 4, tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3791 1818 / Fax: 04. 3791 5808

Website: [www.japan-sec.vn](http://www.japan-sec.vn)



JAPAN SECURITIES INC.

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## NĂM 2013

Theo mẫu tại **Phụ lục số II** ban hành theo **Thông tư số 52 /2012/TT-BTC** ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính, có hiệu lực từ ngày 01/06/2012 hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2014

**I. THÔNG TIN CHUNG:****1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: JAPAN SECURITIES INCORPORATED
- Tên viết tắt: JSI
- Vốn điều lệ (tính đến 31/12/2013): 41.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi một tỷ đồng./.)
- Vốn chủ sở hữu (tính đến 31/12/2013): 42.823.149.953 VNĐ (Bốn mươi hai tỷ, tám trăm hai mươi ba triệu, một trăm bốn mươi chín ngàn, chín trăm năm mươi ba đồng./.)
- Địa chỉ: Tầng 3&4, Tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: 84-4-3791.1818 Fax: 84-4-3791.5808
- Website: [www.japan-sec.vn](http://www.japan-sec.vn) Email: [info@japan-sec.vn](mailto:info@japan-sec.vn)

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản được UBCKNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 103/UBCK-GP ngày 16 tháng 1 năm 2009 với tên Công ty CP Chứng khoán Hoa Anh Đào, có trụ sở chính tại tầng 3&4, Tòa nhà Viglacera-Exim, số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Công ty được thành lập bởi Tổng công ty Viglacera và có sự tham gia của các cổ đông Nhật Bản là Công ty Chứng khoán Aizawa, Công ty Japan Asia Holdings và Công ty Đầu tư Tanamark với tổng vốn điều lệ là 41.000.000.000 VND.

Các sự kiện nổi bật trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty:

Thời gian	Sự kiện
16/01/2009	Công ty chính thức được cấp giấy phép thành lập với tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào
20/05/2009	Thay đổi Tổng Giám đốc kiêm người đại diện trước pháp luật là ông Yokoyama Norio
22/05/2009	Chứng nhận công ty là thành viên lưu ký chứng khoán
30/06/2009	Công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
10/07/2009	Công nhận tư cách thành viên giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

<b>20/10/2009</b>	Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh
<b>13/01/2010</b>	Kết nối giao dịch với sàn UpCOM
<b>11/03/2010</b>	Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản
<b>12/04/2010</b>	Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
<b>21/01/2011</b>	Thay đổi Tổng Giám đốc kiêm người đại diện trước pháp luật là ông Hiramoto Hiroshi
<b>07/06/2011</b>	Chính thức cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến
<b>01/08/2012</b>	Chính thức cung cấp dịch vụ Giao dịch ký quỹ

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

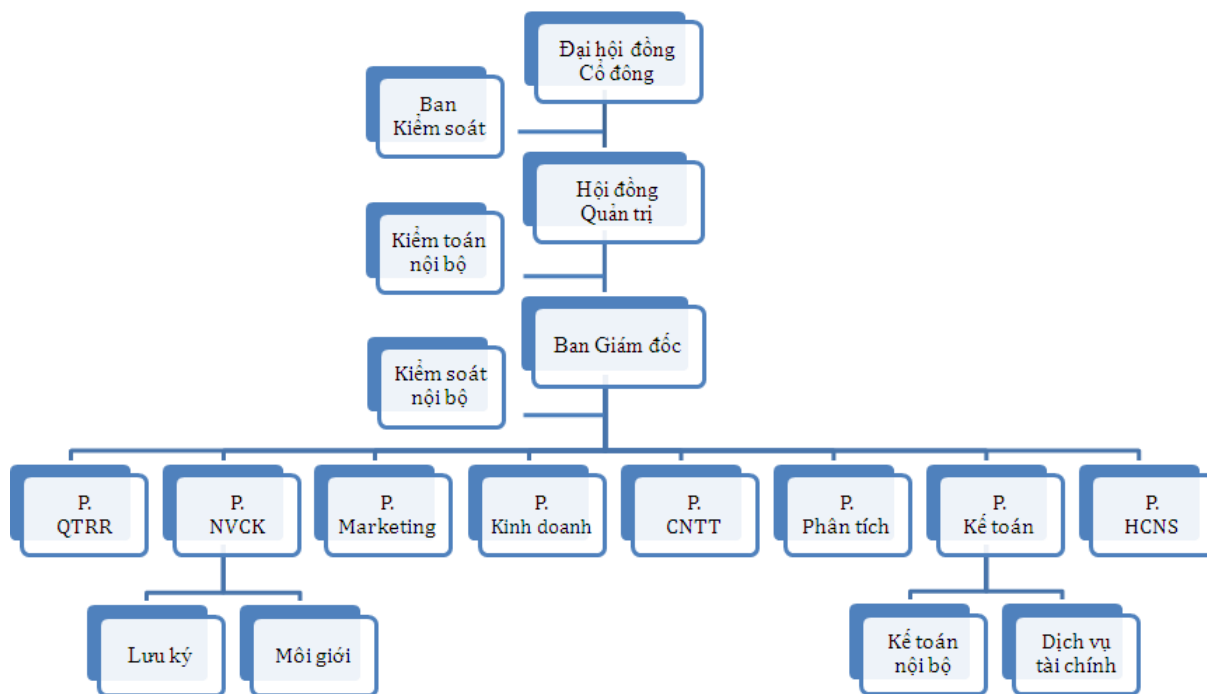
- Ngành nghề kinh doanh:
  - Hoạt động môi giới chứng khoán;
  - Hoạt động lưu ký chứng khoán;
  - Hoạt động tư vấn đầu tư;
  - Dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán.
- Địa bàn kinh doanh:
  - Hà Nội và các tỉnh lân cận;
  - Nhật Bản.

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, các Phòng Ban nghiệp vụ và một số tiểu ban giúp việc cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc (Ban Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát nội bộ).
- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau:
  - Hội đồng Quản trị điều hành chỉ đạo về mặt chủ trương, định hướng trung hạn, dài hạn cho toàn Công ty;
  - Tổng Giám đốc quản lý, điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền;

- Các Trưởng Phòng Ban trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể và chịu trách nhiệm trực tiếp đối với mọi hoạt động của các phòng ban đó;
  - Các tiểu ban giúp việc của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hoạt động độc lập và chuyên trách có trách nhiệm hỗ trợ Ban điều hành trong việc quản lý và kiểm soát rủi ro, đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ của Công ty được thực hiện một cách chính xác, hạn chế những rủi ro không đáng có phát sinh trong quá trình tác nghiệp.
- Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Giám đốc, và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành.
- Để nâng cao hiệu quả quản trị công ty, Ban Giám đốc đã ban hành các quy trình công việc cụ thể cho từng đầu việc, phòng ban, giúp thực hiện công tác quản lý, quản trị nhân sự được thuận lợi. Các quy trình này thường xuyên được các phòng ban cập nhật, hoàn thiện, cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tế tại từng thời điểm.

Cơ cấu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (cập nhật tại ngày 31/12/2013) được tổ chức như sau:



### 5. Định hướng phát triển

- Là công ty chứng khoán đầu tiên ở Việt Nam có sự tham gia điều hành của chuyên gia Nhật Bản và rất có lợi thế trong việc thu hút khách hàng Nhật, Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản vẫn tiếp tục hướng tới mục tiêu trở thành công ty dẫn đầu

trong lĩnh vực môi giới chứng khoán cho khách hàng nước ngoài (đặc biệt là khách hàng tại Nhật Bản) và sẽ trở thành cầu nối giữa thị trường vốn Việt Nam và nhà đầu tư Nhật Bản.

- Triết lý kinh doanh của chúng tôi là:
  - Trung thực và Tin cậy;
  - Ổn định và Chất lượng;
  - Phát triển và Công hiến.
- Trong trung và dài hạn, Công ty CP Chứng khoán Nhật Bản tập trung vào các chiến lược và phương pháp sau đây:
  - Triển khai chiến dịch marketing để tăng khách hàng tổ chức nước ngoài;
  - Thành lập đội ngũ kinh doanh nhằm tiếp cận các tài khoản lớn, bao gồm cả các tài khoản tổ chức trong nước;
  - Đẩy mạnh giao dịch trực tuyến cho các tài khoản cá nhân;
  - Nâng cao hiệu quả của hệ thống công nghệ thông tin;
  - Thành lập nhóm nghiên cứu khác để mở rộng phạm vi khách hàng;
  - Triển khai hoạt động marketing để phát triển hoạt động kinh doanh các sản phẩm quỹ đầu tư (quỹ mở trái phiếu, cổ phiếu và bất động sản).

#### **6. Các rủi ro:**

- Công ty chứng khoán thuộc dạng công ty thành lập có điều kiện và được xếp vào diện các định chế tài chính dù với quy mô như thế nào. Do vậy, ở công ty chứng khoán, các rủi ro luôn tiềm ẩn. Ở Công ty cổ phần chứng khoán Nhật bản, việc đổi diện và phòng ngừa các rủi ro luôn được sự quan tâm đặc biệt của Hội Đồng Quản trị và Ban Giám đốc công ty.
- Các rủi ro liên quan đến công ty và có thể ảnh hưởng tới sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện các mục tiêu của công ty bao gồm:
  - Rủi ro thị trường: là rủi ro mà giá trị hợp lý các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường được thể hiện thông qua những biến động về lãi suất, tỷ giá hối đoái, chi phí giá vốn...
  - Rủi ro thanh toán: là rủi ro khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết. Rủi ro thanh toán ở JSI liên quan đến các khoản phải thu của khách hàng. Việc quản lý các khoản phải thu của khách hàng của công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro thanh toán từ hoạt động giao dịch cho vay ký quỹ và cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán.
  - Rủi ro thanh khoản: Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Công ty giám sát rủi ro thanh

khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền ở mức độ hợp lý đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

- **Rủi ro pháp luật:** Các văn bản pháp luật liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán thường xuyên được thay đổi nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao trong việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến thị trường chứng khoán. Công ty thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực chứng khoán và các lĩnh vực liên quan. Ngoài ra, công ty đã và đang nâng cao kiến thức về pháp luật cho đội ngũ cán bộ quản lý cũng như toàn bộ cán bộ nhân viên trong công ty. Bên cạnh đó, việc tham vấn pháp luật của công ty với các đơn vị cung cấp dịch vụ pháp lý chuyên nghiệp cũng được Ban Giám đốc công ty đặc biệt chú trọng. Nhờ đó đã giúp công ty hạn chế những rủi ro liên quan đến vấn đề pháp luật.
- **Rủi ro hoạt động:** là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, hệ thống, quy trình nghiệp vụ, con người trong quá trình tác nghiệp ... Để giảm thiểu các rủi ro này, JSI đã xây dựng quy trình nghiệp vụ cụ thể đến từng phòng nghiệp vụ và phổ biến đến từng cán bộ nhân viên trong công ty. Ngoài ra, các phòng nghiệp vụ thường xuyên tổ chức gặp gỡ và thảo luận bàn ra phương hướng giải quyết trước mỗi một loại hình rủi ro có thể xảy ra. Thực tế, các rủi ro hoạt động ở JSI cũng đã được hạn chế ở mức tối đa.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Năm 2013, hoạt động kinh doanh của Công ty Chứng khoán Nhật Bản có những điểm nổi bật như sau:
  - Các sản phẩm dịch vụ cốt lõi (môi giới, lưu ký, tư vấn, dịch vụ tài chính) đã và đang được đẩy mạnh, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, đặc biệt là nhóm khách hàng nội địa. Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư, nhân sự được đào tạo bài bản, đội ngũ nhân viên kinh doanh được mở rộng.
  - Tuy nhiên năm 2013 là một năm không thuận lợi trong việc mở rộng thị phần khách nước ngoài cũng như thúc đẩy giao dịch của phân khúc khách hàng này. Đây được coi là nguyên nhân chủ yếu khiến cho kết quả kinh doanh của Công ty không đạt được như mức kỳ vọng của Đại hội đồng Cổ đông 2013.
  - Với việc triển khai nghiệp vụ ký quỹ (margin) từ tháng 8/2012 và tiếp tục hoàn thiện dịch vụ này trong năm 2013, nhà đầu tư tìm đến với JSI nhiều hơn và chuyển dần từ gói vay Ứng trước tiền bán chứng khoán sang vay Margin do

những ưu điểm của loại hình này mang lại như thủ tục ký kết hợp đồng đơn giản, nhanh chóng, tiền giải ngân tự động, phần mềm quản lý nợ và dòng tiền chính xác.

- Theo đó, kết quả kinh doanh của Công ty Chứng khoán Nhật Bản đạt được cụ thể như sau:
  - Tổng thu nhập: 16,529 tỷ đồng, đạt 77% kế hoạch;
  - Tổng chi phí: 15,073 tỷ đồng, đạt 89% kế hoạch;
  - LNTT: 1,456 tỷ đồng, đạt 32% kế hoạch;
  - LNST: 1,092 tỷ đồng, đạt 32% kế hoạch;

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch và cùng kỳ: (Đơn vị: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	So sánh với kế hoạch			So sánh cùng kỳ		
	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	2013	2012	Tỷ lệ
Tổng thu nhập	21,420	16,529	77%	16,529	17,494	94.4%
Tổng chi phí	16,854	15,073	89%	15,073	14,439	104%
Lợi nhuận gộp	4,566	1,456	32%	1,456	3,055	47.6%

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Vị trí	Họ và tên	Tóm tắt lý lịch	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
Tổng Giám đốc	Hiramoto Hiroshi	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngày sinh: 24/10/1956</li> <li>• Quốc tịch: Nhật Bản</li> <li>• Trình độ chuyên môn: Hoạch định tài chính và môi giới chứng khoán</li> <li>• Quá trình công tác:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>○ 1989 – 2006: Công ty Chứng khoán Tokyo</li> <li>○ 2006 – nay: Công ty Chứng khoán Japan Asia</li> <li>○ 1/2011 – nay: TGD Công ty Chứng khoán Nhật Bản tại Việt Nam</li> </ul> </li> </ul>	0%
Phó Tổng Giám đốc	Trần Thị Mai	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngày sinh: 16/07/1975</li> <li>• Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>• Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD</li> <li>• Quá trình công tác:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>○ 1997 – 2007: Công ty Liên doanh Sunway</li> <li>○ 2007 – 7/2012: Công ty Chứng khoán Việt Tín</li> </ul> </li> </ul>	0%

		○ 8/2012 – 15/2/2014: Công ty Chứng khoán Nhật Bản	
Kế toán trưởng	Đoàn Thị Hồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ngày sinh: 18/06/1974</li> <li>• Quốc tịch: Việt Nam</li> <li>• Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán</li> <li>• Quá trình công tác:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>○ 1997 – 2006: Cty NCI Việt Nam</li> <li>○ 2006 – 2009: Cty Noble Electronics Việt Nam</li> <li>○ 8/2009 – nay: Công ty Chứng khoán Nhật Bản</li> </ul> </li> </ul>	0%

- Thay đổi trong ban điều hành: không có.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

BỘ PHẬN	Tính đến 31/12/2013
Ban Giám đốc	2 người
Phòng Quản trị rủi ro	(Phó TGD trực tiếp phụ trách và thực hiện)
Phòng Môi giới	9 người
Phòng Kinh doanh	4 người
Phòng Marketing	3 người
Phòng Phân tích	3 người
Phòng kế toán	5 người
Phòng IT	2 người
Phòng HCNS	4 người
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32 người</b>

- Chính sách lương: Mặc dù lợi nhuận không đạt như kỳ vọng bởi tình hình hoạt động kinh doanh chưa đạt được kế hoạch đề ra, nhưng Công ty vẫn thực hiện xem xét điều chỉnh tăng lương cho cán bộ nhân viên Công ty vào tháng 4/2013 nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động và bù đắp trượt giá do lạm phát.
- Chính sách khen thưởng, phúc lợi: Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc và hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho người lao động. Các chế độ thưởng cụ thể năm 2013 như sau:
  - Tháng lương 13;
  - Thưởng cá nhân tiêu biểu, xuất sắc;
  - Thưởng nhân các ngày Lễ, Tết;
  - Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế do Đại hội đồng Cổ đông Công ty quyết định trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh



năm 2012 được sử dụng để tổ chức cho người lao động đi du lịch tại Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 3/2013.

- Chế độ bảo hiểm xã hội: Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Công ty thực hiện theo đúng qui định pháp luật.
- Chính sách khác:
  - Thực hiện đầy đủ các qui định về an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ;
  - Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

- a) *Các khoản đầu tư lớn:* không có
- b) *Các công ty con, công ty liên kết:* không có.

**4. Tình hình tài chính**

a) *Tình hình tài chính*

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Tỷ lệ
Tổng giá trị tài sản	66,304	71,114	107.2%
Doanh thu thuần	17,494	16,529	94.4%
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	3,055	1,456	47.6%
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế	3,055	1,456	47.6%
Lợi nhuận sau thuế	2,286	1,092	47.7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	2,097	1,086	51.7%

b) *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<b><i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i></b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	67%	30.9%	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn			
<b><i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i></b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	34.2%	39.7%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	55.3%	69%	

<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	26.3%	23.2%	
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	13%	6.6%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5.2%	3%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3.4%	1.5%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	17.4%	6.6%	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a) Cổ phần:**

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 4.100.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Cổ phiếu thường: 4.100.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VNĐ);
- Cổ phiếu ưu đãi: không có;
- Cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 4.100.000 cổ phiếu;
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: không có.

**b) Cơ cấu cổ đông:**

STT	Cổ đông	Tỷ lệ vốn góp	Số vốn góp (VNĐ)
1	<b>Tổ chức</b>	<b>59 %</b>	<b>24.190.000.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	49 %	20.090.000.000
	Tổ chức Việt nam	10 %	4.100.000.000
	<b>Cá nhân</b>	<b>41%</b>	<b>16.810.000.000</b>
2	<i>Trong đó:</i>		
	Cá nhân nước ngoài	0%	0
	Cá nhân Việt nam	41%	16.810.000.000
	<b>Trong nước</b>	<b>51%</b>	<b>20.910.000.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
Tổ chức trong nước	10%	4.100.000.000	
Cá nhân trong nước	41%	16.810.000.000	
	<b>Nước ngoài</b>	<b>49%</b>	<b>20.090.000.000</b>
	<i>Trong đó:</i>		
	Tổ chức nước ngoài	49%	20.090.000.000

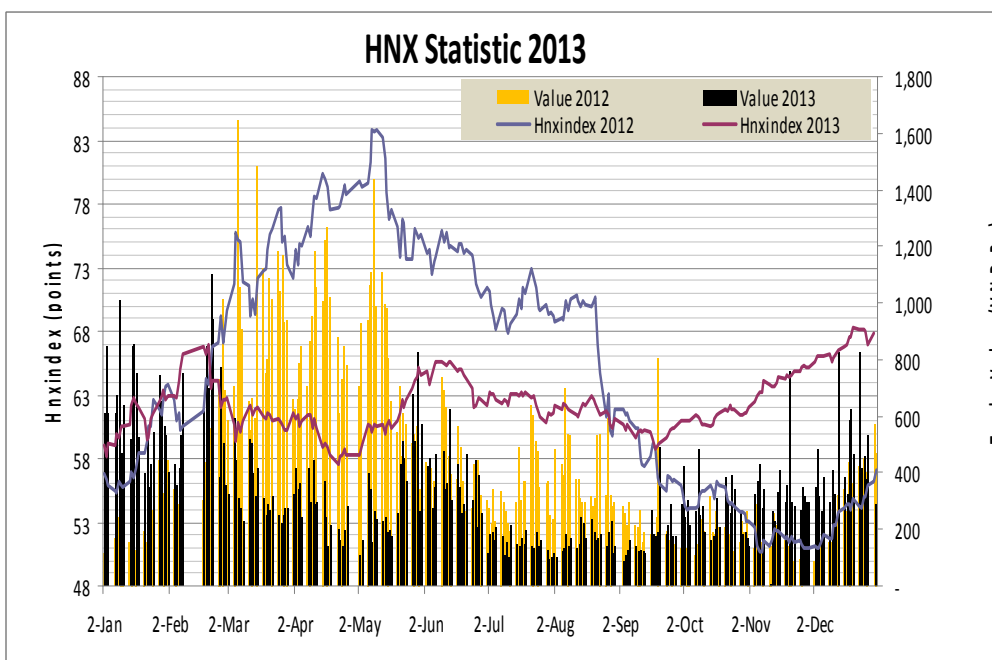
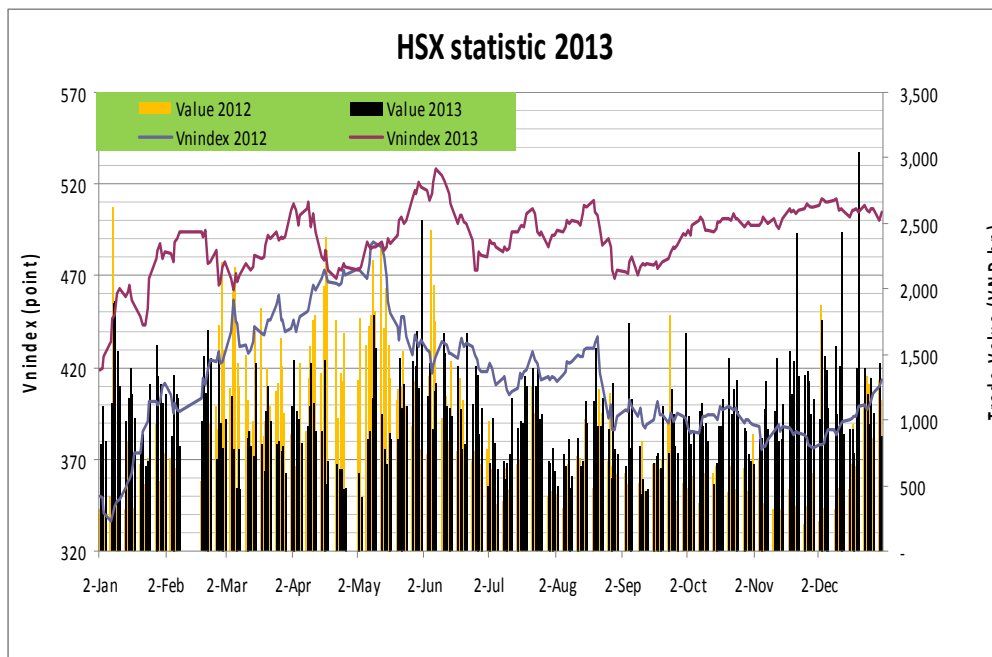
	Cá nhân nước ngoài	0%	0
	<b>Phân loại khác</b>		
	<b>Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cổ phần của công ty trở lên. Trong đó:</b>	<b>82,62%</b>	<b>33.874.200.000</b>
	Tổ chức trong nước (1 tổ chức)	10%	4.100.000.000
3	Tổ chức nước ngoài (3 tổ chức)	49%	20.090.000.000
	Cá nhân trong nước (4 cá nhân)	23,62%	9.684.200.000
	Cá nhân nước ngoài (0 cá nhân)	0%	0
	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>0%</b>	<b>0</b>

- c) *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* không có.  
d) *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* không có.  
e) *Các chứng khoán khác:* không có.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2013 đã chứng kiến không ít những biến động trải dài suốt 12 tháng. Mặc dù chỉ số chứng khoán VN-Index được đánh giá là 1 trong 10 nước có mức tăng trưởng cao nhất thế giới, nhưng trong bối cảnh có sự đan xen giữa các yếu tố thuận lợi và không thuận lợi của kinh tế vĩ mô, hàng loạt các phiên bán tháo bất thường và cả một thời gian dài trầm lắng cho thấy thị trường chứng khoán chưa thực sự ổn định. Giá rất nhiều cổ phiếu còn đang ở mức rất thấp nhưng sức bật trở lại vẫn khá yếu. Tuy nhiên, có thể khẳng định với mức tăng khá ấn tượng trong năm 2013 (VN-Index kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm 2013 ở mức 504,63 điểm, tăng 22% so với 2012; HNX-Index chốt năm 2013 ở mức 67,84 điểm, tăng 19% so với 2012), chứng khoán trong năm vừa qua đã ổn định hơn và có những dấu hiệu tích cực cho năm 2014.



Mặc dù thị trường chung có những diễn biến tích cực, nhưng do chứng khoán thế giới, đặc biệt là các nước Mỹ, Nhật... đều hồi phục và tăng trưởng mạnh mẽ, liên tiếp phá vỡ các mốc kỷ lục cao nhất mọi thời đại, do vậy, các khách hàng nước ngoài của Chứng khoán Nhật Bản, đặc biệt là các khách hàng tổ chức, đã tập trung sang các khu vực có tỷ suất lợi nhuận cao hơn. Việc khách hàng khối ngoại tạm dừng và giảm đáng kể mức độ giao dịch ở Việt Nam, tập trung giao dịch ở các thị trường khác, và rút tiền khỏi các nền kinh tế mới nổi đã ảnh hưởng không nhỏ đến giá trị giao dịch năm 2013.

## **2. Tình hình tài chính**

- a) Tình hình tài sản: Tài sản chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản chính đó.
- b) Tình hình nợ phải trả: Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### **c) Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

#### **a) Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán**

Hoạt động môi giới và lưu ký chứng khoán là nghiệp vụ chính của JSI, mang lại doanh thu chủ yếu cho công ty. Trong đó, hoạt động môi giới và lưu ký chứng khoán của khách hàng nước ngoài chiếm 82% tổng doanh thu môi giới và lưu ký còn lại là khách hàng trong nước, với tỷ trọng rất nhỏ.

Trong năm 2013, JSI đã tăng cường hoạt động Marketing và bán hàng cho cả đối tượng khách hàng nước ngoài và trong nước nhằm gia tăng thị phần cũng như giá trị giao dịch. Đặc biệt JSI đã và đang hướng tới mục tiêu các khách hàng tổ chức nước ngoài.

Với đặc thù khách hàng trong nước là thường giao dịch chứng khoán kèm theo hoạt động margin do vậy mục tiêu của JSI là sẽ hướng tới phục vụ khách hàng cá nhân với quy mô giao dịch vừa và nhỏ nhằm quản lý tốt các khoản vay cũng như giảm thiểu rủi ro cho cả công ty chứng khoán và khách hàng.

#### **b) Hoạt động dịch vụ chứng khoán**

Bên cạnh các dịch vụ cốt lõi của JSI là Môi giới và Dịch vụ tài chính, hiện tại công ty đang đẩy mạnh các mảng dịch vụ khác nhằm phục vụ tốt hơn các Nhà đầu tư trong nước và nước ngoài:

- Dịch vụ tư vấn đầu tư: Nhắm tới các khách hàng cá nhân và tổ chức nước ngoài với các báo cáo đầu tư chiến lược được thiết kế nhằm phù hợp với từng đối tượng khách hàng trên cơ sở hàng tháng.
- Dịch vụ mua quyền cổ phiếu phát hành thêm: JSI đã và đang thực hiện việc mua quyền này thông qua việc ủy thác với Công ty Quản lý quỹ MB.

- Phân phối chứng chỉ quỹ mở MBBF: Trong quý 2/2013, JSI bắt đầu có doanh thu từ việc phân phối quỹ mở MBBF với doanh thu còn rất hạn chế. JSI hiện đã và đang tìm kiếm các kênh phân phối thông qua việc hợp tác cùng với các công ty chứng khoán, công ty tài chính và các công ty quản lý quỹ khác để cùng phân phối sản phẩm này.

**c) Hoạt động nghiên cứu phân tích**

Hoạt động nghiên cứu phân tích là hoạt động hỗ trợ thiết thực cho nghiệp vụ Môi giới chứng khoán của công ty thông qua việc cung cấp các báo cáo phân tích, các nhận định thị trường. Trong năm 2013, phòng Phân tích được bổ sung những nhân sự với bằng cấp cao phù hợp với thị trường tài chính, được đào tạo bài bản từ nước ngoài, kịp thời đưa ra những nhận định và cung cấp những báo cáo có chất lượng, đáp ứng những yêu cầu khắt khe của các đối tượng khách hàng, đặc biệt là khách hàng tổ chức nước ngoài.

Với hệ thống báo cáo của công ty hiện nay gồm: báo cáo hàng ngày, báo cáo vĩ mô, báo cáo phân tích các sự kiện bất thường trên TTCK, báo cáo phân tích công ty và báo cáo triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam.

**d) Hoạt động kiểm tra kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro**

Bộ phận Kiểm soát nội bộ trong năm vừa qua đã thường xuyên cập nhật các thông tin quan trọng cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và những người có thẩm quyền. Qua đó, Ban điều hành Công ty có những quyết định phù hợp đối với chiến lược phát triển công ty. Nội dung các nhiệm vụ kiểm soát cụ thể:

- Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán cũng như các quy định nội bộ Công ty nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động.
- Kiểm tra, giám sát việc hoàn thiện các qui trình nghiệp vụ nội bộ, thực hiện công tác quản trị rủi ro tại các bộ phận nghiệp vụ, và các công việc khác theo qui định tại thông tư 210/2012/TT-BTC.
- Hỗ trợ soạn thảo và tư vấn cho các văn bản, quyết định, hợp đồng, biên bản, quy trình nội bộ cho Ban điều hành và các bộ phận nghiệp vụ của Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi

trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.

- Phối hợp với Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong việc độc lập đánh giá về công tác kiểm toán của Công ty nhằm đảm bảo tính trung thực và khách quan của các báo cáo này.
- Tham gia các buổi làm việc của Công ty phần mềm Navisoft cùng với Phòng Công nghệ Thông tin của Công ty về việc phát triển phần mềm giao dịch;
- Tham gia một số buổi làm việc của Ngân hàng BIDV Cầu Giấy, Hà Thành, VIB Hoàng Quốc Việt cùng Ban lãnh đạo và Phòng Kế toán của Công ty về nội dung phát triển dịch vụ tài chính cho khách hàng;
- Tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- Tham gia họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm tài chính 2013;
- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo và chế độ công bố thông tin.

***e) Hoạt động tổ chức nhân sự và chế độ tiền lương***

Năm 2013, cơ cấu nhân sự có một số thay đổi cho phù hợp với yêu cầu của pháp luật và tình hình hoạt động/phát triển của Công ty, cụ thể như sau:

- Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị được thành lập ngày 10/04/2013 theo yêu cầu của Thông tư 210/2012/TT-BTC với vai trò chính là hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong việc kiểm tra, xem xét và đánh giá các hoạt động của Công ty về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị. Cùng với đó, ban Kiểm toán nội bộ thực hiện độc lập các đánh giá về kiểm toán của Công ty nhằm đảm bảo tính trung thực và khách quan của các báo cáo này. Ban Kiểm toán nội bộ hiện do ông Nguyễn Tiến Đức – là một nhân sự có kinh nghiệm và năng lực trong lĩnh vực chứng khoán – làm trưởng ban, trước đó ông Nguyễn Tiến Đức giữ vị trí Trưởng phòng Nghiên cứu và Phân tích của Công ty.
- Các phòng ban nghiệp vụ trong Công ty không thay đổi về cơ bản, tuy nhiên được sắp xếp lại cho đáp ứng tốt hơn với yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và theo kịp sự phát triển của thị trường chứng khoán, cụ thể:
  - Phòng Kinh doanh phụ trách thị trường nội địa được bổ sung những nhân sự có chất lượng, từ đội ngũ tìm kiếm đến tư vấn và chăm sóc khách hàng đều được trưởng phòng trực tiếp đào tạo, hướng dẫn, với sự hỗ trợ của Ban Giám đốc Công ty;
  - Phòng Marketing phụ trách thị trường nước ngoài được bổ sung những nhân sự có khả năng sử dụng ít nhất 2 ngoại ngữ là Nhật & Anh, có thời gian trải nghiệm lối sống và văn hóa Nhật Bản, đảm bảo tiếp cận với khách hàng mục tiêu từ Nhật Bản được thuận lợi;

- Phòng Phân tích được bổ sung những nhân sự với bằng cấp cao phù hợp với thị trường tài chính, được đào tạo bài bản từ nước ngoài, kịp thời đưa ra những nhận định và cung cấp những báo cáo có chất lượng, đáp ứng những yêu cầu khắt khe của các đối tượng khách hàng, đặc biệt là khách hàng tổ chức nước ngoài.

**f) Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Thị trường chứng khoán năm 2014 được nhận định là sẽ vẫn tăng nhưng có nhiều biến động. Cùng với sự phục hồi và ổn định của kinh tế vĩ mô, xu hướng thị trường chứng khoán sẽ tăng điểm chậm và VN-Index được dự báo dao động quanh mức 550 điểm.

Theo đó, kế hoạch do Ban Giám đốc cho năm 2014 cụ thể như sau:

- Tổng Doanh thu: 20,513 tỷ đồng;
- Tổng Chi phí: 16,243 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 4,269 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế: 3,415 tỷ đồng;
- Cổ tức ước tính: 7%

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Năm 2013 được xem là một năm khó khăn đối với thị trường chứng khoán nói chung và các công ty chứng khoán nói riêng. Ban Giám đốc và đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty đã nỗ lực phấn đấu hết mình để hướng tới kế hoạch đề ra tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông 2013. Mặc dù kết quả kinh doanh năm 2013 có nhiều chỉ tiêu không đạt được như mong muốn, nhưng Công ty vẫn duy trì tình hình an toàn tài chính, đảm bảo hiệu quả sử dụng đồng vốn của cổ đông ở mức khả quan. Một số hoạt động tích cực được Hội đồng quản trị ghi nhận đối với hoạt động của Công ty như sau:

- Hoạt động có lãi và cổ tức chia cho cổ đông dự kiến ở mức 2.65%
- Tiếp tục cập nhật/ bổ sung các qui trình nội bộ theo các yêu cầu/qui định của pháp luật nói chung và của ngành chứng khoán nói riêng, hoàn thiện các hoạt động của Công ty theo yêu cầu thực tế, theo đó hạn chế tối đa những rủi ro nghiệp vụ có thể gặp phải;
- Bổ sung những nhân sự chất lượng được đào tạo bài bản và có kinh nghiệm cho mọi hoạt động của Công ty;
- Đa dạng hóa các sản phẩm cung cấp tới khách hàng, tìm kiếm các đối tác có chất lượng và uy tín để đảm bảo dịch vụ tốt nhất;



- Linh hoạt cung cấp các báo cáo ngày, tuần, tháng, quý, năm cho các khách hàng hiện tại và tiềm năng của Công ty, hỗ trợ khách hàng tìm kiếm thông tin đầu tư, từ đó đẩy mạnh giao dịch, và tăng doanh thu cho công ty.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc công ty trong việc điều hành hoạt động và công tác quản lý nói chung. Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo định hướng của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị. Cụ thể:

- Tích cực triển khai các phương án, giải pháp thúc đẩy thị trường;
- Nỗ lực tìm kiếm các sản phẩm đa dạng hóa dịch vụ nhằm thu hút khách hàng và tăng uy tín cho Công ty;
- Liên tục cập nhật bổ sung dữ liệu điện tử, làm phong phú các nội dung website, đảm bảo nhu cầu tìm hiểu thông tin của khách hàng bằng cả 3 ngôn ngữ: Việt, Nhật, Anh;
- Tiếp tục nâng cấp phần mềm để tạo tiện ích tối đa cho khách hàng đồng thời nâng cao chất lượng quản lý và sử dụng của người sử dụng trong công ty;
- Hoàn thiện cơ sở thông tin cung cấp cho khách hàng thông qua các báo cáo ngày, tuần, tháng, quý, năm cho các khách hàng hiện tại và tiềm năng.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Bước sang năm 2014, dựa trên những nhận định tình hình và kế hoạch kinh doanh như trên, Hội đồng Quản trị Công ty Chứng khoán Nhật Bản vẫn sẽ tiếp tục duy trì phối hợp với Ban Giám đốc trong việc thực hiện đồng thời các biện pháp sau dựa trên cơ sở tập trung mọi nguồn lực tài chính / nhân sự hiện có nhằm triển khai công việc thực hiện kế hoạch năm 2014:

- Đối với hoạt động giám sát: Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung chính vào thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị đối với Ban Giám đốc, cán bộ quản lý và các mặt hoạt động của Công ty;
- Đối với hoạt động kinh doanh: Đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh, đi kèm với việc củng cố, hoàn thiện các nghiệp vụ hiện có; thắt chặt quản trị rủi ro, đảm bảo hạn chế tối đa những tổn thất không đáng có trong quá trình hoạt động nghiệp vụ, đồng thời mở rộng các sản phẩm tiện ích, theo kịp sự phát triển chung của thị trường chứng khoán Việt Nam; Tiếp tục đẩy mạnh việc thực thi các công việc và chiến lược trung hạn đề ra từ năm 2011 nhằm định hướng các khối nghiệp vụ và kinh doanh, tận dụng các cơ hội để tạo ra bước đột phá cho hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Đối với công tác nhân sự: Tìm các giải pháp để khai thác, tận dụng hết các nguồn lực nhân sự hiện có, trong đó có việc củng cố và bổ sung các nhân sự có chất lượng với chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt nhiệm vụ và yêu cầu được giao; đặc biệt phối hợp với Ban Kiểm soát trực thuộc Đại hội đồng Cổ đông hoàn thiện bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị mới được thành lập;
- Đối với các nội dung khác:
  - Hoàn thiện hệ thống Công nghệ thông tin phục vụ các nhu cầu đa dạng của khách hàng, cũng như yêu cầu trong quản trị, điều hành;
  - Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, cập nhật các qui định, qui trình nội bộ đã ban hành, cũng như xây dựng các qui định, qui trình mới phù hợp với yêu cầu của pháp luật nói chung và của ngành chứng khoán nói riêng, tạo cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Hình thức	Số lượng chức danh thành viên HDQT tại các công ty khác
1	Lê Minh Tuấn	10%	Thành viên không điều hành	1
2	Nguyễn Trần Tuấn Nghĩa	6%	Thành viên không điều hành	1
3	Nguyễn Thị Hồng Hà	6%	Thành viên không điều hành	1
4	Aizawa Motoya	14,5%	Thành viên không điều hành	1
5	Kyu Seihin	20%	Thành viên không điều hành	1
6	Hiramoto Hiroshi	14,5%	Thành viên điều hành	1

#### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Ban Kiểm toán nội bộ trực tiếp trực thuộc Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát nội bộ thuộc Ban Giám đốc, có trách nhiệm báo cáo các nội dung kiểm soát tới Hội đồng quản trị.

***c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:***

- Công tác tổ chức nhân sự: Công ty đã ổn định được cơ cấu tổ chức, nhân sự, vận hành phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quy chế làm việc và phối hợp giữa HĐQT với Ban giám đốc;
- Hoạt động giám sát của HĐQT Công ty đối với Ban Giám đốc được thực hiện theo Điều lệ công ty và các quy định phân cấp phân quyền nội bộ, phù hợp với qui định của pháp luật nói chung và của ngành chứng khoán nói riêng. HĐQT thực hiện các nhiệm vụ giám sát trực tiếp và thông qua hoạt động của các tiểu ban trực thuộc, HĐQT thông qua các báo cáo định kỳ và bất thường bằng văn bản hoặc trực tiếp để thực hiện việc giám sát đối với Ban Giám đốc một cách chặt chẽ và sát sao;
- HĐQT thực hiện kiểm tra, giám sát thông qua việc xem xét và xử lý các thông tin từ Ban Kiểm soát thuộc Đại hội đồng Cổ đông, đồng thời kịp thời có các biện pháp chỉ đạo Ban Giám đốc đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực tài chính/nhân sự cho các hoạt động của Công ty;
- Duy trì chế độ họp thường kỳ hàng Quý để định hướng, chỉ đạo hoạt động kinh doanh và công tác điều hành của Ban giám đốc Công ty phù hợp với định hướng phát triển của công ty và theo quy định hiện hành của pháp luật.

***d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:***

Ngoại trừ ông Hiramoto Hiroshi nắm chức vụ Tổng Giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị khác đều không trực tiếp điều hành công việc tại Công ty. Tuy vậy, với việc tiếp tục duy trì chế độ họp thường kỳ hàng Quý cùng các chế độ báo cáo bằng văn bản, bằng dữ liệu điện tử và trực tiếp khác, các thành viên Hội đồng quản trị đều nắm được tình hình hoạt động và đảm bảo công tác điều hành chỉ đạo kịp thời đối với Ban lãnh đạo Công ty.

***e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:***

- Ban Kiểm soát nội bộ thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong việc tiến hành kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán cũng như các quy định nội bộ Công ty nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động. Trong năm 2013, ban KSNB đã hỗ trợ HĐQT trong công tác kiểm tra, giám sát việc hoàn thiện các qui trình nghiệp vụ nội bộ, việc thực hiện công tác quản trị rủi ro tại các bộ phận nghiệp vụ, và các công việc khác theo qui định tại thông tư 210/2012/TT-BTC.
- Ban Kiểm toán nội bộ mới được thành lập đầu năm 2013, nhưng đã tích cực phát huy vai trò của mình trong việc hỗ trợ Hội đồng Quản trị kiểm tra, xem xét và đánh giá các hoạt động của Công ty về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều

lệ, các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị. Cùng với đó, ban Kiểm toán nội bộ thực hiện độc lập các đánh giá về kiểm toán của Công ty nhằm đảm bảo tính trung thực và khách quan của các báo cáo này.

**f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.**

**2. Ban Kiểm soát**

**a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Vị trí	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Phạm Thị Ngọc Diệp	Trưởng ban	0,24%
2	Đặng Thị Thanh Huyền	Ủy viên	0,49%
3	Hoàng Thị Mai Lan	Ủy viên	3,40%

**b) Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng ban trong thực hiện nhiệm vụ, giúp Ban kiểm soát có thể thường xuyên theo sát tình hình hoạt động của Công ty;
- Cập nhật các thông tin của Công ty và Hội đồng Quản trị thông qua các báo cáo trực tiếp, bằng văn bản và email, tham dự tất cả các cuộc họp thường kỳ hàng quý giữa Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, làm việc trực tiếp với một số phòng ban trong trường hợp cần thiết, từ đó nắm được tình hình và thông tin toàn diện để có thể đưa ra những ý kiến tư vấn Hội đồng Quản trị nhằm định hướng cho các hoạt động của Công ty;
- Xem xét và kiểm tra các báo cáo tổng kết tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty hàng tháng, quý do Ban Giám đốc và phòng Kế toán thực hiện;
- Báo cáo tài chính theo quý và báo cáo tài chính năm 2013 của JSI đã được lập đúng thời hạn và tuân thủ đúng các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành;
- Xem xét báo cáo của tổ chức kiểm toán;
- Công tác kế toán nội bộ luôn đảm bảo hệ thống chứng từ sổ sách kế toán theo đúng chế độ và chuẩn mực kế toán; Sổ sách chứng từ về cơ bản được ghi chép và hạch toán đúng các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước cũng như các qui trình nội bộ của công ty.
- Quản lý chặt chẽ và linh hoạt các nguồn lực tài chính và đảm bảo kinh phí cho hoạt động của Công ty;
- Thực hiện tốt các nghĩa vụ tài chính và báo cáo với các cơ quan quản lý.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

a) *Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích*: không có

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*: không có.

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*: không có.

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty*: Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu quản lý, quản trị, điều hành của Ban Giám đốc, và đảm bảo hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

**1. Ý kiến kiểm toán**

- a) Tình hình tài sản: Tài sản chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản chính đó.
- b) Tình hình nợ phải trả: Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 103/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 239/UBCK-GP ngày 20 tháng 05 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 310/UBCK-GP ngày 11 tháng 03 năm 2010 và Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 01 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trần Tuấn Nghĩa	Ủy viên
Ông Aizawa Motoya	Ủy viên
Ông Hiramoto Hiroshi	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Hà	Ủy viên
Bà Kyu Seihin	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hiramoto Hiroshi	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Ngọc Diệp	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Mai Lan	Ủy viên
Bà Đặng Thị Thanh Huyền	Ủy viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Hiramoto Hiroshi**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014



Số: 232/2014/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản được lập ngày 20 tháng 01 năm 2014, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2013, Khoản ủy thác đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần quản lý quỹ Đầu tư MB bị sụt giảm giá trị so với giá thị trường là 668,3 triệu đồng. Tuy nhiên, Công ty không trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này dẫn đến Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh đang phản ánh cao hơn thực tế với giá trị tương ứng.

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

aasc.com.vn

HÃNG KIỂM TOÁN AASC



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



---

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0063-2013-002-1

---

**Vũ Xuân Biên**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2014*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>62.820.145.763</b>	<b>58.059.982.749</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	8.744.643.554	15.305.542.029
111	1. Tiền		8.744.643.554	12.305.542.029
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	34.130.954.463	30.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		34.130.954.463	30.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	19.357.892.964	12.077.030.725
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		19.109.663.686	11.436.947.950
138	5. Các khoản phải thu khác		290.428.062	670.224.764
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(42.198.784)	(30.141.989)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		586.654.782	677.409.995
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		435.751.356	463.696.836
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	64.789.926	127.599.659
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	86.113.500	86.113.500
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.294.385.924</b>	<b>8.244.559.075</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	9	6.764.787.136	6.764.787.136
218	4. Phải thu dài hạn khác		6.764.787.136	6.764.787.136
220	II. Tài sản cố định		907.466.628	1.090.660.370
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	494.818.591	766.052.271
222	- Nguyên giá		2.930.333.311	3.773.761.350
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.435.514.720)	(3.007.709.079)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	412.648.037	324.608.099
228	- Nguyên giá		2.235.072.420	2.018.838.620
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.822.424.383)	(1.694.230.521)
260	V. Tài sản dài hạn khác		622.132.160	389.111.569
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		68.339.483	-
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	12	483.768.289	321.087.181
268	4. Tài sản dài hạn khác		70.024.388	68.024.388
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>71.114.531.687</b>	<b>66.304.541.824</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>28.291.381.734</b>	<b>22.704.746.387</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>28.291.381.734</b>	<b>22.704.746.387</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	13.358.498.481	10.343.854.771
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	183.245.827	115.896.611
315	5. Phải trả người lao động		492.082.369	82.816.000
316	6. Chi phí phải trả	15	764.503.357	705.373.248
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	13.493.051.700	11.456.805.706
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	51
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>42.823.149.953</b>	<b>43.599.795.437</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>42.823.149.953</b>	<b>43.599.795.437</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.000.000.000	41.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		261.727.674	147.387.195
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		279.939.139	165.598.660
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.281.483.140	2.286.809.582
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>71.114.531.687</b>	<b>66.304.541.824</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
006	6. Chứng khoán lưu ký		169.402.640.000	183.244.340.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		158.539.800.000	172.143.430.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		84.265.820.000	74.420.930.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		74.273.980.000	97.722.500.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		10.441.550.000	11.009.800.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		10.441.050.000	6.417.300.000
030	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài		500.000	4.592.500.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		421.290.000	91.110.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		180.370.000	87.700.000
040	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài		240.920.000	3.410.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		1.813.420.000	1.187.450.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		1.813.420.000	1.187.450.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		1.708.840.000	1.112.250.000
054	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		104.580.000	75.200.000
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		-	80.000.000

Khổng Thị Hương  
Người lập

Đoàn Thị Hồng  
Kế toán trưởng

Hiramoto Hiroshi  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu	18	16.529.930.826	17.511.973.915
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		9.266.074.074	11.783.110.347
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		30.019.472	-
01.9	Doanh thu khác		7.233.837.280	5.728.863.568
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	-	17.167.346
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	18	16.529.930.826	17.494.806.569
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	9.645.259.720	9.486.291.206
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		6.884.671.106	8.008.515.363
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	5.428.623.807	4.952.785.455
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.456.047.299	3.055.729.908
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.456.047.299	3.055.729.908
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	364.011.825	768.920.326
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.092.035.474</u>	<u>2.286.809.582</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	266	558

3100  
C.T.C.P.  
TRÁCH  
NHIỆM  
K  
HỌ



Khổng Thị Hương  
Người lập

Đoàn Thị Hồng  
Kế toán trưởng

Hiramoto Hiroshi  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.456.047.299	3.055.729.908
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		386.207.186	973.057.507
03	- Các khoản dự phòng		12.056.795	30.141.989
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	19.951.395
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.389.395.108)	(5.070.821.237)
06	- Chi phí lãi vay		1.199.843.183	79.882.317
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.335.240.645)	(912.058.121)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(7.816.155.698)	(16.723.765.886)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.589.795.537	8.246.734.463
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		38.373.426	40.968.578
13	- Tiền lãi vay đã trả		(1.188.229.820)	(79.882.317)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(301.202.092)	(1.026.501.762)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		722.799.454	1.800.137.344
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.872.778.003)	(2.074.530.123)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.162.637.841)	(10.728.897.824)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(214.070.700)	(389.155.309)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.275.617.092)	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		30.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.737.200.660	4.650.638.083
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.247.512.868	(25.738.517.226)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		130.307.405.932	12.058.466.436
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(127.283.762.222)	(1.714.611.665)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.669.417.212)	(1.405.582.788)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.354.226.498	8.938.271.983

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(6.560.898.475)	(27.529.143.067)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		15.305.542.029	42.854.745.857
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(20.060.761)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>8.744.643.554</u>	<u>15.305.542.029</u>

Khổng Thị Hương  
Người lập

Đoàn Thị Hồng  
Kế toán trưởng

Hiramoto Hiroshi  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Năm 2013

Năm 2013	Thuyết minh	01/01/2013 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2013 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
8.	Quỹ dự phòng tài chính	147.387.195	114.340.479	-	261.727.674
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	165.598.660	114.340.479	-	279.939.139
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.286.809.582	1.092.035.474	(2.097.361.916)	1.281.483.140
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>43.599.795.437</b>	<b>1.320.716.432</b>	<b>(2.097.361.916)</b>	<b>42.823.149.953</b>

Năm 2012	Thuyết minh	01/01/2012 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2012 VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	41.000.000.000	-	-	41.000.000.000
8.	Quỹ dự phòng tài chính	31.710.151	115.677.044	-	147.387.195
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	31.710.151	133.888.509	-	165.598.660
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.776.564.810	2.286.809.582	(1.776.564.810)	2.286.809.582
<b>CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>42.839.985.112</b>	<b>2.536.375.135</b>	<b>(1.776.564.810)</b>	<b>43.599.795.437</b>

Khổng Thị Hương  
Người lập

Đàn Thị Hồng  
Kế toán trưởng

Hiramoto Hiroshi  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2013

**1 . THÔNG TIN CHUNG**

**1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoa Anh Đào) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 103/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 239/UBCK-GP ngày 20 tháng 05 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 310/UBCK-GP ngày 11 tháng 03 năm 2010 và Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 01 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 41.000.000.000 đồng; tương đương 4.100.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**1.2 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**2.3 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn không quá 3 năm tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**2.8 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12/tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**2.9 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.10 . Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**2.11 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**2.12 . Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia*

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.13 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của người đầu tư	188.995.971	2.645.520.277.600
- Cổ phiếu	188.995.971	2.645.520.277.600
	<b>188.995.971</b>	<b>2.645.520.277.600</b>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng	453.863.776	1.036.483.535
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	8.290.779.778	11.269.058.494
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
	<b>8.744.643.554</b>	<b>15.305.542.029</b>

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư ngắn hạn khác	34.130.954.463	30.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(1)</sup>	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn ủy thác đầu tư <sup>(2)</sup>	4.130.954.463	-
	<b>34.130.954.463</b>	<b>30.000.000.000</b>

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác bao gồm:

(1) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 năm lãi suất 8%/năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam với tổng giá trị là 30.000.000.000 đồng. Lãi trả sau, tiền gốc và lãi trả một lần vào ngày đáo hạn.

(2) Khoản ủy thác đầu tư theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư giữa Công ty Cổ phần quản lý quỹ Đầu tư MB và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản số 02.0413/QLDMDT/MBCapital-JSI. Tại ngày 31/12/2013 chi tiết tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản trên tài khoản ủy thác đầu tư như sau:

Tiền mặt: 21.549.163 đồng

Danh mục đầu tư:

STT	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá mua	Giá thị trường	Tăng/ giảm so với giá thị trường
1	BMC	57.000	2.965.462.500	2.297.100.000	(668.362.500)
2	DRC	30.000	1.143.942.800	1.170.000.000	26.057.200
			<b>4.109.405.300</b>	<b>3.467.100.000</b>	<b>(642.305.300)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN  
Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	01/01/2013		Số phát sinh trong năm		31/12/2013		Tổng số dư phòng đã lập	
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Số khó đòi VND	VND
<b>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	<b>11.436.947.950</b>	-	<b>494.587.314.881</b>	<b>486.914.599.145</b>	<b>19.109.663.686</b>	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	268.263.121	-	8.048.701.665	8.141.979.165	174.985.621	-	-	-
- Phải thu hợp đồng margin của khách hàng trong nước	10.406.387.053	-	348.208.023.265	340.669.605.483	17.944.804.835	-	-	-
- Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	762.297.776	-	138.330.589.951	138.103.014.497	989.873.230	-	-	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>670.224.764</b>	<b>60.283.977</b>	<b>3.905.449.340</b>	<b>4.285.246.042</b>	<b>290.428.062</b>	<b>60.283.977</b>	-	<b>(42.198.784)</b>
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	542.888.894	-	3.193.580.557	3.554.136.113	182.333.338	-	-	-
- Phải thu khác	127.335.870	60.283.977	711.868.783	731.109.929	108.094.724	60.283.977	-	(42.198.784)
	<b>12.107.172.714</b>	<b>60.283.977</b>	<b>498.492.764.221</b>	<b>491.199.845.187</b>	<b>19.400.091.748</b>	<b>60.283.977</b>	-	<b>(42.198.784)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	64.789.926	127.599.659
	<b>64.789.926</b>	<b>127.599.659</b>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	86.113.500	86.113.500
	<b>86.113.500</b>	<b>86.113.500</b>

9 . CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu dài hạn khác (*)	6.764.787.136	6.764.787.136
<i>Phải thu Ông Ngô Lê Quý</i>	<i>1.907.197.099</i>	<i>1.907.197.099</i>
<i>Phải thu Ông Vũ Mạnh Hùng</i>	<i>4.849.573.318</i>	<i>4.849.573.318</i>
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	<i>8.016.719</i>	<i>8.016.719</i>
	<b>6.764.787.136</b>	<b>6.764.787.136</b>

(\*) Phản ánh khoản phải thu nhà đầu tư theo hợp đồng dịch vụ hỗ trợ tài chính giữa nhà đầu tư và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy mà Công ty đã trả thay cho nhà đầu tư. Khoản phải thu nhà đầu tư được đảm bảo bằng tài sản hiện có trong tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư và một số tài khoản bảo lãnh căn cứ theo hợp đồng ký quỹ giao dịch chứng khoán giữa nhà đầu tư và Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2013	1.135.814.649	2.637.946.701	3.773.761.350
Mua sắm	24.027.273	-	24.027.273
Chuyển thành CCDC theo Thông tư 45	(844.982.494)	(22.472.818)	(867.455.312)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>314.859.428</b>	<b>2.615.473.883</b>	<b>2.930.333.311</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2013	441.927.190	2.565.781.889	3.007.709.079
Trích khấu hao	29.063.820	187.429.704	216.493.524
Chuyển thành CCDC theo Thông tư 45	(777.854.229)	(10.833.654)	(788.687.883)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>(306.863.219)</b>	<b>2.742.377.939</b>	<b>2.435.514.720</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2013	693.887.459	72.164.812	766.052.271
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>621.722.647</b>	<b>(126.904.056)</b>	<b>494.818.591</b>
Trong đó			
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.469.100.700 đồng.			

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2013	1.826.566.800	192.271.820	2.018.838.620
Mua sắm	269.463.200	-	269.463.200
Giảm khác (*)	(53.229.400)	-	(53.229.400)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>2.042.800.600</b>	<b>192.271.820</b>	<b>2.235.072.420</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2013	1.508.295.806	185.934.715	1.694.230.521
Trích khấu hao	163.434.241	6.279.421	169.713.662
Giảm khác (*)	(41.519.800)	-	(41.519.800)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>1.630.210.247</b>	<b>192.214.136</b>	<b>1.822.424.383</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2013	318.270.994	6.337.105	324.608.099
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>412.590.353</b>	<b>57.684</b>	<b>412.648.037</b>

(\*) Giảm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ do không đủ điều kiện là TSCĐ

12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền nợ ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nợ bổ sung	308.935.179	180.444.497
Tiền lãi phân bổ trong năm	54.833.110	20.642.684
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>483.768.289</b>	<b>321.087.181</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	01/01/2013	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	10.343.854.771	130.307.405.932	(127.292.762.222)	13.358.498.481
Vay ngân hàng	10.343.854.771	130.307.405.932	(127.292.762.222)	13.358.498.481
	<u>10.343.854.771</u>	<u>130.307.405.932</u>	<u>(127.292.762.222)</u>	<u>13.358.498.481</u>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (*)	13.358.498.481	10.343.854.771
	<u>13.358.498.481</u>	<u>10.343.854.771</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(\*) Hợp đồng cấp hạn mức thanh toán số 00122/2013/0001236 ngày 25 tháng 11 năm 2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp hạn mức thanh toán ngày 09 tháng 12 năm 2013 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Ngân hàng cấp hạn mức thanh toán số tiền: 24.010.000.000 VND;
- + Mục đích vay: được sử dụng để bù đắp thiếu hụt tài chính tạm thời phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ các giao dịch điều chuyển vốn nội bộ và thanh toán nợ vay tại BIDV;
- + Thời hạn của hạn mức thanh toán: đến hết ngày 25/11/2014;
- + Phí suất và phí sử dụng hạn mức thanh toán: Phí suất là 8%/năm; Phí sử dụng hạn mức thanh toán được tính và cộng dồn hàng ngày trên cơ sở hạn mức thanh toán mà khách hàng sử dụng thực tế và được tự động hạch toán thu từ tài khoản tiền gửi thanh toán của Công ty vào ngày 25 hàng tháng.
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn mở tại BIDV với tổng giá trị là 24.500.000.000 đồng.

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	801.784	927.138
Thuế Thu nhập cá nhân	182.444.043	114.969.473
	<u>183.245.827</u>	<u>115.896.611</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương tháng 13	452.629.390	-
Chi phí lãi vay phải trả	20.613.363	-
Phí giao dịch, phí lưu ký	85.464.844	52.016.127
Chi phí kiểm toán	42.500.000	60.000.000
Chi phí phải trả khác	163.295.760	593.357.121
	<b>764.503.357</b>	<b>705.373.248</b>

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.267.237.998	11.269.058.494
Phải trả cổ tức cho cổ đông	-	29.417.212
Các khoản phải trả, phải nộp khác	225.813.702	158.330.000
	<b>13.493.051.700</b>	<b>11.456.805.706</b>

Cân đối tài sản và công nợ của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán như sau:

Chi tiêu	Số tiền
Tiền của nhà đầu tư trên tài khoản ngân hàng	8.290.779.778
Số tiền mua ngày 27/12/2013 của tài khoản tách biệt trong nước chưa chuyển thanh toán bù trừ	(121.200.000)
Công nợ phải thu cho vay Margin (*)	5.097.658.220
<b>Cộng</b>	<b>13.267.237.998</b>
<b>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn phải trả nhà đầu tư</b>	<b>13.267.237.998</b>
<b>Cân đối</b>	<b>-</b>

(\*) Công nợ phải thu cho vay margin 2 ngày cuối năm được cấp cho nhà đầu tư tại ngày T (ngày phát vay) và được Công ty tiến hành chuyển tiền thanh toán tại ngày T+2 khi thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư tại ngày T. Số tiền cho vay margin nêu trên đã được Công ty chuyển thanh toán bù trừ vào ngày 2/1/2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Năm 2012</b>										
Tại ngày 01/01/2012	41.000.000.000	31.710.151	109.366	31.710.151	31.710.151	1.776.564.810	42.840.094.478			
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	2.286.809.582	2.286.809.582			
Phân phối lợi nhuận	-	115.677.044	-	115.677.044	133.888.509	(249.565.553)				
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(1.435.000.000)	(1.435.000.000)			
Giảm khác	-	-	(109.366)	-	-	(91.999.257)	(92.108.623)			
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>41.000.000.000</b>	<b>147.387.195</b>	<b>-</b>	<b>147.387.195</b>	<b>165.598.660</b>	<b>2.286.809.582</b>	<b>43.599.795.437</b>			
<b>Năm 2013</b>										
Tại ngày 01/01/2013	41.000.000.000	147.387.195	-	147.387.195	165.598.660	2.286.809.582	43.599.795.437			
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	1.092.035.474	1.092.035.474			
Phân phối lợi nhuận	-	114.340.479	-	114.340.479	114.340.479	(228.680.958)				
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(1.640.000.000)	(1.640.000.000)			
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(114.340.479)	(114.340.479)			
Thù lao trả cho HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	(114.340.479)	(114.340.479)			
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>41.000.000.000</b>	<b>261.727.674</b>	<b>-</b>	<b>261.727.674</b>	<b>279.939.139</b>	<b>1.281.483.140</b>	<b>42.823.149.953</b>			

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 13 tháng 04 năm 2013, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2012 như sau:

Số tiền

VND

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.286.809.582
Trích Quỹ dự phòng tài chính	114.340.479
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	114.340.479
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	114.340.479
Chi trả cổ tức (bằng 4% vốn điều lệ)	1.640.000.000
Thù lao cho HĐQT và BKS	114.340.479
Lợi nhuận chưa phân phối	189.447.666

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2013 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2013 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Viglacera	10,00%	4.100.000.000	10,00%	4.100.000.000
Công ty Chứng khoán Aizawa	14,50%	5.945.000.000	14,50%	5.945.000.000
Công ty TNHH Japan Asia Holdings Limited	14,50%	5.945.000.000	14,50%	5.945.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Tanmark	20,00%	8.200.000.000	20,00%	8.200.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	41,00%	16.810.000.000	41,00%	16.810.000.000
	<b>100%</b>	<b>41.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>41.000.000.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	41.000.000.000	41.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	41.000.000.000	41.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	41.000.000.000	41.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.640.000.000	1.435.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	1.640.000.000	1.435.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.100.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.100.000	4.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.100.000	4.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.100.000	4.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.100.000	4.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

18 . DOANH THU

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu	16.529.930.826	17.511.973.915
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.266.074.074	11.783.110.347
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	30.019.472	-
- Doanh thu khác	7.233.837.280	5.728.863.568
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(17.167.346)
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>16.529.930.826</b>	<b>17.494.806.569</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

19 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	922.748.886	9.486.291.206
Chi phí khác	1.234.819.046	-
Chi phí trực tiếp chung	7.487.691.788	-
	<u>9.645.259.720</u>	<u>9.486.291.206</u>

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.609.969.469	2.484.725.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	192.563.856	316.206.748
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.525.874.833	2.046.786.558
Chi phí khác bằng tiền	97.215.649	102.067.101
	<u>5.428.623.807</u>	<u>4.952.785.455</u>

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		Năm 2013	Năm 2012
		VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.456.047.299	3.055.729.908
Các khoản điều chỉnh tăng		-	19.951.395
- Chi phí không hợp lệ		-	19.951.395
Các khoản điều chỉnh giảm		-	-
Tổng thu nhập tính thuế		1.456.047.299	3.075.681.303
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành		364.011.825	768.920.326
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		<u>364.011.825</u>	<u>768.920.326</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm		(127.599.659)	129.981.777
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm		(301.202.092)	(1.026.501.762)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>		<u>(64.789.926)</u>	<u>(127.599.659)</u>

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.092.035.474	2.286.809.582
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.092.035.474	2.286.809.582
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.100.000	4.100.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<u>266</u>	<u>558</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.744.643.554	-	15.305.542.029	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	26.164.878.884	(42.198.784)	18.871.959.850	(30.141.989)
Các khoản cho vay	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	4.130.954.463	-	-	-
	<b>69.040.476.901</b>	<b>(42.198.784)</b>	<b>64.177.501.879</b>	<b>(30.141.989)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	13.358.498.481	10.343.854.771
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	13.493.051.700	11.456.805.706
Chi phí phải trả	764.503.357	705.373.248
	<b>27.616.053.538</b>	<b>22.506.033.725</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được/nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại 31/12/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.744.643.554	-	-	8.744.643.554
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	19.357.892.964	6.764.787.136	-	26.122.680.100
Các khoản cho vay	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	4.130.954.463	-	-	4.130.954.463
	<b>62.233.490.981</b>	<b>6.764.787.136</b>	<b>-</b>	<b>68.998.278.117</b>
<b>Tại 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.305.542.029	-	-	15.305.542.029
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	12.077.030.725	6.764.787.136	-	18.841.817.861
Các khoản cho vay	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000
	<b>57.382.572.754</b>	<b>6.764.787.136</b>	<b>-</b>	<b>64.147.359.890</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	13.358.498.481	-	-	13.358.498.481
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	13.493.051.700	-	-	13.493.051.700
Chi phí phải trả	764.503.357	-	-	764.503.357
	<b>27.616.053.538</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>27.616.053.538</b>
<b>Tại 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	10.343.854.771	-	-	10.343.854.771
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	11.456.805.706	-	-	11.456.805.706
Chi phí phải trả	705.373.248	-	-	705.373.248
	<b>22.506.033.725</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>22.506.033.725</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**24 CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	13.267.237.998	11.269.058.494
	<b>13.267.237.998</b>	<b>11.269.058.494</b>

**25 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

**26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới chứng khoán VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	9.266.074.074	7.263.856.752	16.529.930.826
Chi phí bộ phận trực tiếp	5.120.074.784	4.525.184.936	9.645.259.720
Chi phí không phân bổ	-	-	5.428.623.807
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>4.145.999.290</b>	<b>2.738.671.816</b>	<b>1.456.047.299</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	8.774.548.067	25.874.450.822	34.648.998.889
Tài sản không phân bổ	-	-	36.465.532.798
<b>Tổng tài sản</b>	<b>8.774.548.067</b>	<b>25.874.450.822</b>	<b>71.114.531.687</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	13.267.237.998	-	13.267.237.998
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	15.024.143.736
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>13.267.237.998</b>	<b>-</b>	<b>28.291.381.734</b>

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
<b>Phí môi giới chứng khoán</b>			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đông góp vốn	331.896.824	35.944.108
Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa	Cổ đông góp vốn	2.076.255.475	56.708.475
<b>Phí dịch vụ cung cấp thông tin</b>			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đông góp vốn	257.777.500	316.953.023

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**

Số 2, Đường Hoàng Quốc Việt,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
<b>Phải thu phí và thuế bán chứng khoán</b>			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đồng góp vốn	15.586.639	3.546.772
Công ty TNHH Chứng khoán Aizawa	Cổ đồng góp vốn	108.330.389	139.123.545
<b>Phải thu khác</b>			
Công ty TNHH Chứng khoán Japan Asia	Cổ đồng góp vốn	20.094.000	24.437.218

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.068.495.209	487.099.998

**28 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

\_\_\_\_\_  
Không Thị Hương  
Tổng Giám đốc

\_\_\_\_\_  
Đoàn Thị Hồng  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
Hiramoto Hiroshi  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NHẬT BẢN**